

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05-7-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Thu Huyền;

Ông Vi Thành Trung.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Vy Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị Lâm Thị S, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn X, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- **Bị đơn:** anh Nông Văn M, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; hiện đang chấp hành tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nông Văn Đ, sinh năm 1959; địa chỉ: thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Cam Thị V, sinh năm 1959; địa chỉ: thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lâm Thị S trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: chị Lâm Thị S và anh Nông Văn M được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, hòa thuận. Tuy nhiên đến cuối năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh Nông Văn M sử dụng trái phép chất ma túy, chị có khuyên anh Nông Văn M cai nghiện nhưng anh Nông Văn M không nghe mà còn chửi bới, xúc phạm chị. Bố, mẹ chồng chị có biết việc anh Nông Văn M sử dụng ma túy và cũng đã khuyên bảo nhưng không được, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn tiếng nói chung. Vấn đề kinh tế trong gia đình đều do một mình chị lo từ việc ăn uống, đến việc nuôi con, đóng học cho con vì toàn bộ số tiền anh kiếm được đều dùng để mua ma túy. Tháng 6 năm 2023, anh Nông Văn M đã đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn theo Quyết định của Tòa án, đến tháng 12 năm 2023 chị nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng sau đó chị đã rút đơn vì thương con nhỏ. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 8 năm 2022, đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nông Văn M.

Về con chung: có 01 con chung là Nông Lâm A, sinh ngày 22-10-2019. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Lâm A đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, vì anh Nông Văn M là người sử dụng ma túy nên việc giao con cho anh Nông Văn M sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của con và chị không yêu cầu anh Nông Văn M phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Lâm Thị S cung cấp hợp đồng lao động, phiếu lương hàng tháng; đơn trình bày của chủ trọ; đơn trình bày của em gái ruột chị Lâm Thị S; giấy xác nhận của giáo viên chủ nhiệm lớp cháu Nông Lâm A theo học, để chứng minh mức thu nhập, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con, môi trường sinh sống và học tập của con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nông Văn M trình bày: về quá trình tìm hiểu và thời gian kết hôn chị Lâm Thị S trình bày là đúng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì nhưng đến sau này nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh sử dụng ma túy. Chị Lâm Thị S biết anh sử dụng ma túy từ tháng 6 năm 2023 là khi có Quyết định của Tòa án đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn. Trong thời gian anh đi cai nghiện, chị Lâm Thị S có nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đến Tòa án nhưng sau đó đã rút đơn và Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 8 năm 2022, khi đó chị Lâm Thị S làm công ty tại Bắc Giang, thỉnh thoảng có về thăm con. Nay chị Lâm Thị S yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì hiện tại anh đang đi cai nghiện, con chung còn nhỏ không có ai chăm sóc và anh vẫn còn tình cảm với vợ.

Về con chung: vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Nông Lâm A, sinh ngày 22-10-2019. Trước khi anh đi cai nghiện, chị Lâm Thị S đi làm công ty nên con chung do anh chăm sóc, còn sau khi anh vào cơ sở cai nghiện thì con chung hiện do bố, mẹ anh chăm sóc giúp. Đối với việc chị Lâm Thị S yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh không đồng ý vì con chung còn nhỏ nên anh muốn con ở cùng bố mẹ anh; hiện anh đang đi cai nghiện nên không có thu nhập.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nông Văn Đ trình bày: ông là bố đẻ của anh Nông Văn M. Trong thời gian anh Nông Văn M đi cai nghiện và trong thời gian chị Lâm Thị S đi làm công ty, vợ chồng ông giúp các con trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và đưa đón cháu Nông Lâm A đi học lớp mẫu giáo tại trường mầm non T1, xã T, huyện C. Chị Lâm Thị Sinh t khi đi công ty làm chưa gửi tiền về cho vợ chồng ông nuôi cháu lần nào mà chỉ gửi tiền ăn học hàng tháng của cháu đóng cho cô giáo. Còn anh Nông Văn M khi ở nhà có đi làm hỗ trợ vợ chồng ông để chăm sóc con của anh chị, chỉ từ khi đi cai nghiện mới không chu cấp gì. Trường hợp anh chị ly hôn, ông có mong muốn Tòa án giải quyết cho anh Nông Văn M được nuôi con, vợ chồng ông sẽ thay anh Nông Văn M hỗ trợ chăm sóc cháu cho đến khi anh Nông Văn M đi cai nghiện về.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cam Thị V trình bày: bà là mẹ của anh Nông Văn M và bà nhất trí với ý kiến của ông Nông Văn Đ.

Tòa án tiến hành xác minh với anh Nông Văn T (anh trai ruột anh Nông Văn M) về mâu thuẫn vợ chồng, anh Nông Văn T cho biết: vợ chồng chị Lâm Thị S và anh Nông Văn M có mâu thuẫn gì không anh không nắm được và có việc anh Nông Văn M sử dụng ma túy.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Về tố tụng, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật; không có kiến nghị gì về thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị S, xử cho chị Lâm Thị S ly hôn với anh Nông Văn M và chị Lâm Thị S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nông Lâm A cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nông Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con, chị Lâm Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn; giấy tờ tùy thân; giấy khai sinh của con chung; các biên bản tổng đạt văn bản tố tụng; bản tự khai, các biên bản lấy lời khai; sao kê tài khoản ngân hàng; phiếu lương hàng tháng; hợp đồng lao động; các đơn trình bày, biên bản xác minh, ...

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Chị Lâm Thị S và anh Nông Văn M có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và có một con là cháu Nông Lâm A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Lâm Thị S có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Nông Văn M, cư trú tại thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nên xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn chị Lâm Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt; tại biên bản lấy lời khai ngày 30-5-2024 anh Nông Văn M đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của đương sự không gây cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Lâm Thị S và anh Nông Văn M kết hôn vào ngày 21-11-2019 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Xét thấy, chị Lâm Thị S và anh Nông Văn M đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng tồn tại mâu thuẫn, nguyên nhân do là anh Nông Văn M sử dụng trái phép chất ma túy; chị Lâm Thị S đã khuyên ngăn anh Nông Văn M từ bỏ ma túy nhưng anh Nông Văn M không từ bỏ thậm chí còn xúc phạm chị, anh chị đã ly thân từ tháng 8 năm 2022 tới nay, trong thời gian ly thân không còn quan tâm đến nhau và cũng không tìm cách khắc phục mâu thuẫn; tháng 12 năm 2023 chị đã khởi kiện đến Tòa án để giải quyết ly hôn với anh Nông Văn M nhưng vì thương con nên chị đã rút đơn khởi kiện việc này đã được thể hiện trong các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Lâm Thị S và anh Nông Văn M đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lâm Thị S yêu cầu ly hôn với anh Nông Văn M là có căn cứ quy định tại Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: chị Lâm Thị S và anh Nông Văn M có 01 con chung là cháu Nông Lâm A, sinh ngày 22-10-2019 và đều có yêu cầu được quyền nuôi con chung. Xét thấy, chị Lâm Thị S chứng minh được có thu nhập ổn định; có xác nhận của chủ nhà trọ về nơi thuê trọ đảm bảo các điều kiện sinh sống, sinh hoạt, xác nhận của giáo viên chủ nhiệm nơi con theo học về việc chị vẫn quan tâm đóng học cho con trong thời gian chị đi làm và có người thân hỗ trợ trong việc chăm sóc con cái; còn anh Nông Văn M do đang đi cai nghiện nên không có thu nhập, không trực tiếp chăm sóc được con chung mà cần có người thân hỗ trợ. Do đó,

việc giao con chung cho chị Lâm Thị S sẽ đảm bảo được về điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và học tập cho con chung. Hơn nữa, cháu Nông Lâm A còn nhỏ cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của người mẹ và bản thân anh Nông Văn M là người sử dụng trái phép chất ma túy sẽ ảnh hưởng đến tâm lý giáo dục của con chung. Do vậy, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận cho chị Lâm Thị S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nông Lâm A đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nông Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Lâm Thị S không yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: chị Lâm Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 228; các Điều 266, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Lâm Thị S được ly hôn với anh Nông Văn M.

2. Về con chung: Giao con chung là Nông Lâm A, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2019 cho chị Lâm Thị S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Nông Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Lâm Thị S phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Lâm Thị S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005657 ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

4. Quyền kháng cáo: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- UBND xã Vạn Linh, huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Phan Thị Thanh Huyền